

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2022

Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Hữu Luynh.

2. Bà Phan Thị Hoài Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Đào Đức V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Đào Đức V tự nguyện kết hôn năm 1992, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND tại thị trấn V, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại huyện H được một thời gian thì chuyển về sinh sống tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và cùng xây nhà và sinh sống tại thôn Đ, xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay. Theo bà H vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được vài năm sau khi kết hôn, sau khi kết hôn bà mới phát hiện ông V là người ham mê rượu chè, tuy vẫn lo làm ăn kiếm sống nhưng lại thường xuyên say xỉn bê tha, không quan tâm gì đến gia đình. Tình trạng này đã kéo dài nhiều năm, Bà H nhiều lần khuyên ngăn mà không có tác dụng gì, tháng

9/2021 bà H đã nộp đơn xin ly hôn và cũng đã tạo cơ hội cho ông V sửa đổi nhưng rồi ông vẫn say xỉn bê tha. Nay Bà H nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông V được nữa, vì đã quá mệt mỏi nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông V.

Bị đơn ông Đào Đức V xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn gia đình theo ông thì không có gì nghiêm trọng, ông thừa nhận có thói quen uống rượu thường xuyên nhưng vẫn quan tâm đến vợ con, vẫn lo công việc, không làm gì ảnh hưởng đến gia đình. Ông có nguyện vọng đoàn tụ muốn bà H trở về chung sống và hứa sẽ khắc phục nguyên nhân mâu thuẫn.

2. Về con chung: Các bên xác nhận có 03 con chung với ông V là: Đào Thị Trà My, sinh ngày 14/10/1993; Đào Quang Anh, sinh ngày 31/7/1997; Đào Phương Thi, sinh ngày 10/01/2001. Hiện các con đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không có yêu cầu gì về con chung.

3. Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Các bên xác nhận không có nợ chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn; bị đơn không đồng ý ly hôn mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn; Các con chung đã trưởng thành, các bên đều xác nhận không có nợ chung, tài sản chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Đào Đức V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn kéo dài mà không thể hàn gắn được. Theo nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trong thời gian ngắn sau khi kết hôn, xuất phát từ việc ông V thường xuyên rượu chè say xỉn,

không có trách nhiệm với gia đình trong thời gian dài, bà H đã cố gắng chịu đựng và khuyên ngăn, thậm chí đã nộp đơn ly hôn lần thứ nhất vào năm 2021 với lý do như trên nhưng ông V không chịu sửa đổi, điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để các bên hàn gắn nhưng ông V vắng mặt không có lý do, chỉ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ông V mới có mặt. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa Bà H và ông V đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông V 03 con chung là Đào Thị Trà M, sinh ngày 14/10/1993; Đào Quang A, sinh ngày 31/7/1997; Đào Phương T, sinh ngày 10/01/2001. Hiện các con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động nên, các bên cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác nhận không có nợ chung, tài sản chung nên không đề cập.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn ông Đào Đức V.
2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00037007 ngày 30/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.
3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thành Luân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Hữu Luynh

Phan Thị Hoài Thanh

Võ Thành Luân

